**Họ và tên: Nguyễn Thị Hà**

**Lớp: TC82**

**THẢO LUẬN LẦN 2**

**MÔN ĐƯỜNG LỐI, PHẦN VĂN HÓA – XÃ HỘI**

(Ngày 09/10/2015)

**Câu 1: Hãy phân tích quan điểm:“Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.” (Nghị quyết 33, Hội Nghị TW9, Khóa XI)**

Dàn ý:

* Nhận thức chung nhất về văn hóa
* Các quan điểm của Đảng…
* Phân tích quan điểm: “Phát triển….”

Giải quyết vấn đề:

1. **Nhận thức chung nhất về văn hóa**

* Hệ thống các giá trị văn hóa truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
* Con người vừa là chủ thể sáng tạo ra văn hóa vừa là khách thể chịu sự tác động trở lại của các giá trị văn hóa
* Văn hóa bao gồm toàn bộ giá trị cuộc sống, là cái chỉ riêng có ở con người, là sản phẩm phản ánh trình độ phát triển của con người, VH thể hiện tính dân tộc, VH đồng nghĩa với Văn minh.
* Hệ thống giá trị văn hóa là những hằng số bất biến, bền vững mãi mãi.

1. **Các quan điểm chỉ đạo xây dựng và phát triển nền văn hóa VN tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc:** có 5 quan điểm:

* Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.
* Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.
* Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.
* Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.
* Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

1. **Phân tích quan điểm:“Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.”**

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện các đặc trưng dân tộc - nhân văn - dân chủ và khoa học. Xây dựng và phát triển con người Việt Nam là trọng tâm, là cốt lõi và là thực chất của xây dựng, phát triển văn hóa. Các giá trị của con người Việt Nam là sự thể hiện sinh động, tiêu biểu nhất các giá trị, sức sống của văn hóa, của bản sắc truyền thống dân tộc, của sự kết hợp hài hòa truyền thống với hiện đại, dân tộc với thế giới và thời đại.

Tinh thần của dân tộc Việt Nam - một dân tộc giàu truyền thống văn hóa và văn hiến được thể hiện tập trung và nổi bật ở trí tuệ và tâm hồn, đạo đức, nhân cách và lối sống tốt đẹp của con người Việt Nam. Đó là những con người yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo như Nghị quyết của Đảng đã chỉ ra.

Văn hóa và con người là mục tiêu và động lực của phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước, mới tạo ra sức mạnh của nguồn lực nội sinh, sức mạnh tổng hợp của đất nước, dân tộc, con người và văn hóa đưa sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế Việt Nam tới thành công, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quan điểm chỉ đạo này cũng cho thấy, mối liên hệ bên trong mật thiết, gắn bó chặt chẽ, không thể tách rời giữa văn hóa với con người, giữa con người với văn hóa. Về thực chất, phát triển văn hóa là phát triển con người, lấy phát triển con người là trọng tâm. Phát triển con người không chỉ tạo ra chất lượng nguồn nhân lực để phát triển văn hóa mà con người với năng lực sáng tạo, trình độ học vấn, tiềm lực trí tuệ, phẩm giá đạo đức, lối sống của nó, tựu trung lại là sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người là mục đích của phát triển văn hóa.

Xét theo quan điểm giá trị thì hệ giá trị Chân - Thiện - Mỹ của văn hóa cũng chính là hệ giá trị phát triển con người, con người vừa với tư cách là chủ thể mang nhân cách của chính mình, phản ánh những chuẩn mực, yêu cầu của mẫu nhân cách xã hội vừa với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa, sản xuất ra văn hóa dưới dạng các sản phẩm, các giá trị đồng thời còn là chủ thể quản lý, cảm thụ, tiêu dùng văn hóa, thực hiện các hoạt động quảng bá, giao lưu văn hóa, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa để phát triển xã hội, phát triển chính mình.

Con người là chủ nhân đích thực của sáng tạo văn hóa, cả văn hóa vật chất (vật thể) lẫn văn hóa tinh thần (phi vật thể); cũng chỉ có con người, từ cấp độ cá nhân - cá thể đến cấp độ xã hội - cộng đồng, dân tộc, rộng nhất là nhân loại, mới tạo dựng nên môi trường văn hóa - xã hội để phát triển văn hóa và phát triển xã hội nói chung.

Để văn hóa (nhất là văn hóa tinh thần), lan tỏa, mở rộng, thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống, nhân lên sức sống, sức phát triển của con người, của văn hóa, không chỉ những thế hệ người trong một dân tộc - quốc gia, nền văn hóa của mỗi dân tộc mà còn là sự phát triển của các dân tộc, của các nền văn hóa trong thế giới nhân loại. Dòng chảy của sáng tạo và phát triển văn hóa là liên tục từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Con đường đi của phát triển, văn minh, tiến bộ của dân tộc cũng như của thế giới và thời đại là con đường của sáng tạo, phát triển văn hóa, của hội nhập văn hóa mà trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, không một nước nào có thể ở bên ngoài tiến trình hội nhập để phát triển.

Mối quan hệ văn hóa với con người, con người với văn hóa là ở tương tác nhân - quả giữa chủ thể và đối tượng. Con người sáng tạo ra văn hóa và chính văn hóa lại tác động sâu xa, rộng lớn tới phát triển con người, hoàn thiện nhân cách, nhân tính. Có thể nói, con người là giá trị văn hóa cao nhất, giá trị của mọi giá trị. Hoàn thiện nhân cách, nhân tính của con người là sứ mệnh của văn hóa, là nỗ lực cao nhất mà sáng tạo văn hóa cần đạt đến, mà mọi thành quả, thành tựu của văn hóa đều góp phần vào sự bộc lộ các năng lực người, khẳng định sức mạnh bản chất người của con người trong phát triển, từ cá thể người đến cộng đồng người trong dân tộc và trong nhân loại.

Hoàn thiện nhân tính, nhân cách con người là thước đo văn hóa, nói lên bản chất nhân văn đích thực của văn hóa, cũng là chỗ phân biệt văn hóa với phản văn hóa, phát triển với phản phát triển. Trong bản chất của nó, văn hóa chỉ biểu đạt cái tốt đẹp, sự lương thiện và tử tế, sự chính trực và lẽ công bằng, trọng sự thật và lẽ phải, tôn trọng chân lý khoa học, đạo lý và đạo nghĩa ở đời và làm người. Văn hóa có cốt lõi của nó là đạo đức, mà đức là gốc của nhân cách.

Phát triển bền vững của đất nước thực chất là phát triển bền vững con người mà muốn vậy, phải đặc biệt chú trọng thực hiện chiến lược phát triển văn hóa. Chỉ có tạo dựng môi trường xã hội lành mạnh mới có thể tạo ra những con người mang nhân cách văn hóa, mới sáng tạo, sản sinh ra văn hóa vì con người, vì phát triển.

Xây dựng và phát triển văn hóa để hoàn thiện nhân cách con người phải làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống, mọi quan hệ xã hội của con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ chủ kiến ấy của mình, văn hóa không ở bên ngoài mà ở trong kinh tế và chính trị. Văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Phải đem văn hóa mà chữa thói phù hoa, xa xỉ, quan liêu, lãng phí, tham ô, tham nhũng. Cũng phải dùng thực hành văn hóa mà xây dựng đời sống mới, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Để phát triển văn hóa và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam theo đúng quan điểm, mục tiêu, phương hướng, giải pháp mà Đảng đã xác định, trong tình hình hiện nay của nước ta và trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, cần phải tập trung triển khai thực hiện những công việc cụ thể, thiết thực, có ích cho nước, có lợi cho dân, những việc làm thực tế, hợp với ý nguyện của lòng dân.

Phải sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất, tinh thần từ công sức, mồ hôi nước mắt, sức sáng tạo của dân mà có được để phát triển kinh tế, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân, giải quyết nạn thất nghiệp bởi hiện nay hàng vạn thanh niên sinh viên tốt nghiệp, có học thức mà không có việc làm. An sinh là cái gốc của ổn định và phát triển, là tiền đề cho phát triển con người và văn hóa.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy lùi tham nhũng để chăm lo cuộc sống cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống và trình độ của dân, đó là một tổng hợp chương trình, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, đó còn là chính trị, là đường lối, chính sách chính trị vì dân, cũng là văn hóa trọng dân trọng pháp rất cần trong lúc này, khi lòng dân không yên, do không ít cán bộ suy thoái, hư hỏng.

Sức mạnh của văn hóa và giá trị nhân cách con người, nhất là văn hóa trong Đảng và nhân cách văn hóa của mỗi cán bộ đảng viên, ở các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và các đoàn thể luôn là chỉ số quan trọng để thuyết phục dân, lấy lại niềm tin của dân đối với Đảng, với chế độ. Tăng trưởng niềm tin của dân vào lúc này có tác dụng như một động lực phát triển, nó minh chứng cho sự trong sạch vững mạnh của Đảng từ tác động của văn hóa.

Đẩy mạnh giáo dục đạo đức từ gia đình đến nhà trường và xã hội, giáo dục lý tưởng, lẽ sống và rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ phải được chú trọng, góp phần quan trọng vào công cuộc chấn hưng đạo đức, phát triển văn hóa ở nước ta.

**Câu 2: Vì sao “Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.?”**

Xây dựng môi trường văn hóa chính là để xây dựng con người văn hóa; xây dựng con người văn hóa có nhân cách, đạo đức, lối sống… góp phần làm cho môi trường văn hóa  phát triển ngày càng lành mạnh hơn. Môi trường văn hóa phải được xây dựng đồng bộ, đó là việc tạo dựng môi trường văn hóa trong hệ thống chính trị, trong cộng đồng dân cư, ở cơ quan, đơn vị, trường học và mỗi gia đình. Trong đó việc xây dựng môi trường văn hóa ở gia đình, cộng đồng xã hội rất cần được xem trọng.

Gia đình là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống văn hóa cho con người. Gia đình là nơi vừa phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, vừa vun đắp cuộc sống no ấm, hòa thuận, hạnh phúc, văn minh. Các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, yêu thương chăm lo cho nhau và quan tâm đến cộng đồng…đã có tác động tích cực cần được nhân rộng.

Các điều kiện sinh hoạt cộng đồng và môi trường xã hội là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển con người, giúp con người hình thành quan điểm giá trị, nhân văn, giúp con người phát triển tài năng. Ở địa bàn dân cư, việc triển khai xây dựng  khu phố/ấp văn hóa… với các tiêu chuẩn được bổ sung ngày càng toàn diện, phù hợp thực tiễn như xây dựng, phát triển kinh tế, giữ gìn trật tự giao thông, trật tự đô thị, làm cho môi trường xanh sạch đẹp, ngăn ngừa tệ nạn xã hội, phát huy dân chủ, chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật, tương trợ giúp đỡ nhau.…làm cho chất lượng sống được nâng lên, làm cho  phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng thực chất và có ý nghĩa đối với cộng đồng.

Môi trường văn hóa là điều kiện hình thành nhân cách con người, lối sống văn hóa. Ở đó cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cái tiến bộ được tôn trọng, phát huy và bảo vệ; cái xấu, cái ác, cái phản văn hóa phải bị phê phán và loại trừ.

Hiện nay, môi trường văn hóa còn nhiều vấn đề gây lo lắng, còn ẩn chứa nguy cơ có thể làm cho các giá trị văn hóa bị mai một trước sự tấn công của các phản giá trị về văn hóa xâm nhập từ bên ngoài, có một số cơ quan, đơn vị có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ mục đích. Một bộ phận người trẻ sống đua đòi, hưởng thụ, ăn mặc lố lăng, nói năng văng tục, sống thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội thậm chí còn vi phạm pháp luật, kỷ cương… Nề nếp gia đình, trật tự xã hội chưa được quan tâm đầy đủ, có sự xuống cấp. Gia đình, nhà trường, xã hội chưa coi trọng giáo dục lao động, chưa có sự phối hợp đồng bộ trong xây dựng con người văn hóa, môi trường văn hóa với những chuẩn mực, những giá trị cần thiết, phù hợp. Môi trường xã hội bị ô nhiễm chính là lực cản lớn đối với sự phát triển con người.

Muốn văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội phải coi trọng xây dựng môi trường văn hóa trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ở gia đình, cộng đồng…. Xây dựng các quy chuẩn, hệ giá trị, các quy ước cộng đồng, phải đề cao việc nêu gương và tuyên truyền những tấm gương tốt.

Vấn đề cùng chung lo là quan tâm xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa - cái nôi nuôi dưỡng phẩm chất, nhân tố tích cực, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

**Câu 3: Vì sao GD-ĐT và KH-CN là vấn đề quốc sách hàng đầu của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay?**

Dàn ý:

* Khái niệm giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ
* Quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước về phát triển giáo dục & đào tạo, khoa học & công nghệ
* Phân tích GD-ĐT và KH-CN là vấn đề quốc sách hàng đầu của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Giải quyết vấn đề:

**1. Khái niệm giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ**

* Giáo dục là quá trình trao truyền tri thức, kinh nghiệm giữa con người với con người thông qua ngôn ngữ và các hệ thống ký hiệu khác nhằm kế thừa và duy trì sự tồn tại, tiến hoá và phát triển của nhân loại
* Đào tạo là hoạt động mang tính chất chuyên môn, nhằm trao truyền một kỹ năng cụ thể cho một loại công việc cụ thể nào đó.
* Khoa học là hệ thống tri thức về quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy được nghiên cứu và khái quát từ thực tiễn và được thực tiễn kiểm nghiệm.
* Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực tự nhiên, nguồn lực sản xuất trung gian thành sản phẩm.

**2. Quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ**

***a) Quan điểm về GD - ĐT***

* Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.
* Phát triển GD & ĐT cùng với phát triển KH & CN là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho GD & ĐT là đầu tư cho phát triển.
* Đổi mới căn bản và toàn diện GD & ĐT theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo nhu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
* Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

***b) Quan điểm phát triển khoa học công nghệ***

* Phát triển và ứng dụng KH & CN là quốc sách hàng đầu; một trong những động lực để phát triển KT-XH và bảo vệ tổ quốc.
* Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác XD chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN
* Đầu tư cho nhân lực KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững; trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc

**3. Phân tích GD-ĐT và KH-CN là vấn đề quốc sách hàng đầu của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.**

**a) Giáo dục là quốc sách hàng đầu của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay:**

Giáo dục đào tạo đóng vai trò quan trọng là nhân tố chìa khóa, là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Không chỉ ở Việt Nam mà ở hầu hết các quốc gia khác trên thế giới, các chính phủ đều coi giáo dục là quốc sách hàng đầu.

Giáo dục đào tạo có tầm quan trọng đến chiến lược phát triển đất nước, cụ thể:

- Giáo dục đào tạo là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển kinh tế.

- Giáo dục đào tạo góp phần ổn định chính trị xã hội.

- Giáo dục đào tạo góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người.

Sự nghiệp giáo dục – đào tạo có vị trí quan trọng trong chiến lược con người, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. “Nguồn tài nguyên và sự giàu có của một quốc gia không phải nằm trong lòng đất mà chính là nằm trong bản thân con người, trí tuệ con người”.

Muốn tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá thắng lợi phải đẩy mạnh phát triển giáo dục- đào tạo vì giáo dục đào tạo có vai trò quan trọng trong lĩnh vực sản xuất vật chất xã hội cũng như xây dựng nền văn hoá.

Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay, hàm lượng trí tuệ khoa học kết tinh trong sản phẩm hàng hoá ngày càng tăng; tài năng trí tuệ, năng lực và bản lĩnh trong lao động sáng tạo của con người, không phải xuất hiện một cách ngẫu nhiên, tự phát, mà phải trải qua quá trình đào tạo có hệ thống. Vì vậy giáo dục hiện nay được nhìn nhận không phải là yếu tố phi sản xuất mà là yếu tố bên trong cấu thành của nền sản xuất xã hội.

Nghị quyết hội nghị lần thứ II Ban chấp hành Trung ương khoá VIII đã nhấn mạnh: Thực sự coi giáo dục-đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng với khoa học công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư phát triển.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã xác định: giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trong phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người VN.

Giáo dục- đào tạo không chỉ có vai trò quan trọng trên lĩnh vực sản xuất vật chất mà còn là cơ sở để hình thành nền văn hoá tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Giáo dục có tác động vô cùng to lớn trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng ý thức pháp quyền và ý thức đạo đức, xây dựng nền văn hoá, văn học nghệ thuật, góp phần cơ bản vào việc hình thành lối sống mới, nhân cách mới của toàn bộ xã hội. Đảng ta đã chỉ rõ: “Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng con người và thế hệ thiết tha, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc là những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Như vậy giáo dục- đào tạo có tác dụng to lớn đến toàn bộ đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội. Phát triển giáo dục - đào tạo là cơ sở để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, chiến lược con người của Đảng và Nhà nước ta.

Từ những vấn đề nêu ở trên mà Đảng ta đưa ra quan điểm: “Đầu tư phát triển giáo dục – đào tạo là quốc sách hàng đầu trong giai đoạn hiện nay”.

**b) Khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu:**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI chỉ rõ: khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy, chưa gắn kết chặt chẽ via mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT – XH, thị trường khoa học – công nghệ còn sơ sài, chưa gắn kết có hiệu quả giữa nghiên cứu via đào tạo và SX KD, đầu tư cho KH và CN còn thấp, sử dụng chưa hiệu quả, trình độ KH, CN nhìn chung còn lạc hậu, đổi mới chậm so via khu vực và quốc tế.

Trong nông nghiệp, nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nằm trong tốp dẫn đầu thế giới như gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều... nhưng về lợi nhuận thu được thì chúng ta luôn chịu cảnh thua thiệt bởi những nhược điểm cố hữu chậm được khắc phục như DN và lao động nông nghiệp thiếu tính chuyên nghiệp; việc áp dụng công nghệ mới vào sản xuất hầu như tự phát và theo kinh nghiệm; thiếu quy hoạch, chiến lược tổng thể...

Trong sản xuất công nghiệp, phần nhiều chúng ta mới thực hiện công việc lắp ráp và gia công những sản phẩm đơn giản trong chuỗi dây chuyền sản xuất hiện đại; những sản phẩm "made in Vietnam" thì công nghệ, thiết bị sản xuất lạc hậu dẫn đến chi phí cao, chất lượng chưa thể cạnh tranh mạnh với sản phẩm của các nước trên thị trường. Do đó, chúng ta mới chỉ thực hiện "bán sức lao động", lấy công làm lãi.

Như vậy có thể thấy, KH&CN chưa được áp dụng rộng rãi, chưa đi sâu vào cuộc sống; nhiều nghiên cứu chỉ có giá trị trong phòng thí nghiệm - chỉ 1/3 số đó được chuyển giao ứng dụng hoặc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện; số DN dám mạo hiểm đầu tư cho các công trình khoa học chỉ đếm trên đầu ngón tay; việc đặt hàng sản phẩm của các trung tâm nghiên cứu cũng không có nhiều DN mặn mà...

Việt nam là nước “đi sau” về phát triển kinh tế so via một số nước trong khu vực và thế giới. Muốn tiến hành CNH, HĐH phải ‘đi tắt”, ‘đón đầu” để rút ngắn khoảng cách và tiến tới đuổi kịp các nước phát triển. Đi tắt, đón đầu cũng chính là phải nắm bắt được những thành tựu khoa học – công nghệ mới nhất, hiện đại nhất để vận dụng vào quá trình phát triển đất nước. Muốn vậy cần phải có nguồn nhân lực giàu trí tuệ, có đủ trình độ để nghiên cứu, tiếp thu, vận dụng một cách sáng tạo những thành tựu khoa học – công nghệ mới nhất vào thực tiễn nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nhấn mạnh: Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực thúc đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền KT, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; nâng tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hơp và tăng trưởng. Như vậy, phát triển khoa học và công nghệ phải được coi là nền tảng và động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH thắng lợi.

Tại Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI), Đảng ta cũng đã ra Nghị quyết về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu KH&CN trong đó nêu rõ, KH&CN phải thật sự trở thành động lực then chốt phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại vào giữa thế kỷ XXI.

Hiến pháp 2013 xác định "Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước".

**Câu 4: Phân tích các nhiệm vụ cần thực hiện nhằm phát triển GD-ĐT trong bối cảnh hiện nay?**

Dàn ý:

* Khái niệm giáo dục – đào tạo
* Thực trạng giáo dục – đào tạo ở VN hiện nay.
* Phân tích các nhiệm vụ cần thực hiện nhằm phát triển GD-ĐT trong bối cảnh hiện nay.

Giải quyết vấn đề:

1. **Khái niệm giáo dục – đào tạo**

* Giáo dục là quá trình trao truyền tri thức, kinh nghiệm giữa con người với con người thông qua ngôn ngữ và các hệ thống ký hiệu khác nhằm kế thừa và duy trì sự tồn tại, tiến hoá và phát triển của nhân loại
* Đào tạo là hoạt động mang tính chất chuyên môn, nhằm trao truyền một kỹ năng cụ thể cho một loại công việc cụ thể nào đó.

1. **Thực trạng phát triển giáo dục – đào tạo ở VN hiện nay:**

+ Thành tựu:

* Đã xây dựng được hệ thống giáo dục và đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học.
* Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện rõ rệt và từng bước hiện đại hóa.
* Số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh, nhất là ở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ.
* Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý.
* Chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt mức 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; hệ thống giáo dục và đào tạo ngoài công lập góp phần đáng kể vào phát triển giáo dục và đào tạo chung của toàn xã hội.
* Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến nhất định.

Cả nước đã hoàn thành mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000; phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010; đang tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; củng cố và nâng cao kết quả xoá mù chữ cho người lớn. Cơ hội tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách; cơ bản bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo.

+ Yếu kém:

Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động;

Chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất.

Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

1. **Phân tích các nhiệm vụ cần thực hiện nhằm phát triển GD-ĐT trong bối cảnh hiện nay.**
2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của NN đối via đổi mới GD và ĐT.

* Xây dựng, hoàn thiện các chính sách, cơ chế về giáo dục – đào tạo, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện mục tiêu, chương trình và chất lượng đào tạo.
* Hoàn thiện hệ thống thanh tra giáo dục một cách toàn diện, đặc biệt chú trọng về công tác chuyên môn.
* Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu để gắn đào tạo via nghiên cứu khoa học.
* Quản lý tốt nội dung, chương trình và chất lượng đào tạo của các trường đại học mở, đại học dân lập và các loại hình không chính quy.
* Tổ chức hoạt động của Hội đồng quốc gia giáo dục có hiệu quả tốt và phân cấp quản lý hợp lý giữa quản lý ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục…

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của GD ĐT theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

* Trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học.
* Tiếp tục nâng cao chất lượng toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục.
* Chuẩn hóa về chương trình, nội dung giáo dục – đào tạo; chuẩn hóa về sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo, chuẩn hóa về quy trình giáo dục – đào tạo;
* Chuẩn hóa về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục – đào tạo;
* Chuẩn hóa về đội ngũ giáo viên và quản lý giáo dục;
* Chuẩn hóa về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy và học tập ở các cấp, các loại hình trường lớp khác nhau….

1. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra GD, ĐT và đánh giá kết quả, bảo đảm trung thực, khách quan.

* Xây dựng hệ thống đánh giá kết quả giáo dục một cách khoa học, hiệu quả, góp phần tạo ra một nền giáo dục thực chất, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

1. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và XD XH học tập.

* Đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc, ngành học.
* Tạo điều kiện cho mọi người được học tập, via hình thức linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên.
* Bảo đảm công bằng, tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học.

1. Đổi mới căn bản chương trình quản lý GD ĐT bảo đảm dân chủ, thống nhất tăng quyền tự chủ và trách nhiệm XH của các cơ sở GD ĐT coi trọng quản lý chất lượng

* Tập trung vào việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của ngành giáo dục, vai trò của các tổ chức chính trị – xã hội; đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục.

1. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD và ĐT

* Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, gương mẫu về trách nhiệm nghề nghiệp, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.
* Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên có đức, có tài, có tâm huyết phấn đấu cho sự nghiệp giáo dục.
* Củng cố và đầu tư tập trung nâng cấp các trường sư phạm, Có chính sách thu hút học sinh tốt, khá giỏi vào ngành sư phạm. Tăng chỉ tiêu đào tạo của các trường sư phạm để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng. Đào tạo giáo viên gắn via địa chỉ và có chính sách sử dụng hợp lý để nhanh chóng khắc phục tình trạng thiếu giáo viên hiện nay.
* Tăng cường thực hiện chương trình bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên.

1. Đổi mới CS, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn XH, nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển GD ĐT.

* Nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong tổng đầu tư xã hội cho giáo dục, đồng thời vẫn đa dạng hóa và phát huy hiệu quả các nguồn đầu tư khác cho giáo dục.
* Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách
* Xây dựng quỹ giáo dục quốc gia, quỹ khuyến học,quỹ tín dụng đào tạo.
* Nhà nước cần có các cơ chế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công tác đào tạo, và đào tạo lại.
* Khuyến khích và tạo điều kiện để cho người VN ở nước ngoài và người nước ngoài giúp đỡ, đầut ư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo theo quy định của NN. Sử dụng một phần vốn vay và viện trợ của nước ngoài để XD cơ sở vật chất cho giáo dục.

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng KH, CN đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.

* Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lí để giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới giáo dục; đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục, nhất là cơ sở giáo dục đại học để nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

1. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

* Chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo nhằm tranh thủ các nguồn lực, vận dụng có chọn lọc và sáng tạo kinh nghiệm và các mô hình giáo dục tiên tiến đi đôi với phát huy nội lực, giữ vững bản sắc dân tộc, độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5: Vì sao Chính sách xóa đói giảm nghèo là chìa khóa then chốt trong việc giải quyết các vấn đề xã hội mang tính cấp bách hiện nay ở nước ta?**

Dàn ý:

* Khái niệm về chính sách xóa đói giảm nghèo
* Mục tiêu chính sách xóa đói giảm nghèo
* Lý do vì sao chính sách xóa đói giảm nghèo là chìa khóa then chốt trong việc giải quyết các vấn đề xã hội mang tính cấp bách hiện nay
* Thực trạng chính sách xóa đói giảm nghèo
* Thành tựu và hạn chế chính sách xóa đói giảm nghèo

Giải quyết vấn đề:

1. **Khái niệm chính sách xóa đói giảm nghèo**

* Chính sách giảm nghèo là những quyết định, quy định của nhà nước nhằm cụ thể hóa các chương trình dự án cùng với nguồn lực, vật lực, các thể thức, quy trình hay cơ chế thực hiện nhằm tác động đối tượng cụ thể như người nghèo, hộ nghèo hay xã nghèo với mục đích cuối cùng là xóa đói giảm nghèo
* Chính sách giảm nghèo được phân loại dựa trên các tiêu chí khác nhau. Dựa trên phạm vi ảnh hưởng của chính sách, chính sách giảm nghèo được phân thành chính sách tác động gián tiếp và chính sách tác động trực tiếp đến xóa đói giảm nghèo.
* Căn cứ vào bản chất đa chiều của đói nghèo, chính sách giảm nghèo được chia làm: (i) nhóm chính sách nhằm tăng thu nhập cho người nghèo; (ii) nhóm chính sách tăng cường các khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; (iii) nhóm chính sách giảm thiểu rủi ro và nguy cơ dễ bị tổn thương; (iv) nhóm chính sách tăng cường tiếng nói cho người nghèo.

1. **Mục tiêu của chính sách xóa đói giảm nghèo:**

* Mục tiêu của chính sách giảm nghèo là hỗ trợ và giúp đỡ người nghèo thoát nghèo cả dưới góc độ nghèo về vật chất và nghèo con người và nghèo về xã hội. Các chính sách giảm nghèo đều hướng tới mục tiêu là nâng cao phúc lợi cho người nghèo, tăng cường các khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo. Mỗi một chính sách cụ thể sẽ có những mục tiêu cụ thể và rõ ràng hơn.

1. **Lý do vì sao chính sách xóa đói giảm nghèo là chìa khóa then chốt giải quyết các vấn đề cấp bách của xã hội:**

* Xóa đói giảm nghèo là một trong những vấn đề xã hội được các quốc gia đặt vào vị trí ưu tiên cần được giải quyết trong phát triển xã hội và là một trong những chính sách quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội ở các quốc gia trên thế giới. Để thực hiện mục tiêu này thì chính sách giảm nghèo sẽ là một trong các chính sách quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội.
* Chính sách xã hội là hệ thống các chính sách tạo phúc lợi cho mọi công dân. Muốn nâng cao phúc lợi cho công dân, trước hết, người dân phải thoát khỏi đói nghèo. Một khi trong xã hội còn bộ phận người nghèo đói, không thể nói là xã hội đã mang phúc lợi đến cho mọi người và không đảm bảo công bằng xã hội.
* Chính sách xóa đói giảm nghèo tạo cơ hội tối thiểu nhất cho bộ phận người dân yếu thế thoát khỏi nghèo đói kinh niên, có được cơ hội về thu nhập, cơ hội tiêu dùng với tư cách như là con người sống trong xã hội.
* Chính sách xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tăng trưởng kinh tế bền vững phải đạt được mục tiêu về kinh tế và tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần đảm bảo công bằng xã hội, giảm việc phân hóa giàu nghèo; tạo điều kiện việc làm, sản xuất kinh doanh cho người nghèo từ đó góp phần vào tăng trưởng kinh tế.

1. **Thực trạng các chính sách xóa đói giảm nghèo của Việt Nam**

* Từ thời kỳ đổi mới cho đến nay, mục tiêu XĐGN được đặt lên hàng đầu. Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đàng đã ghi rõ: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói nghèo, thừa nhận một bộ phận dân cư giàu lên trước là cần thiết cho sự phát triển, đồng thời có chính sách về mọi mặt tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả… Các vùng giàu, vùng phát triển phải cùng nhà nước giúp đỡ lôi cuốn các vùng nghèo, vùng chậm phát triển để cùng vươn lên, vùng sâu, vùng đồng bào thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây”.
* XĐGN trở thành một bộ phận quan trọng của chính sách quốc gia kể từ Đại hội VIII của Đảng. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực XĐGN, thu hẹp dần khoảng cách và trình độ phát triển và mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư”. Trên quan điểm đó, Nghị quyết của Đại hội đã đưa ra định hướng phải “Thực hiện tốt chương trình XĐGN nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ XĐGN bằng nhiều vốn trong và ngoài nước, quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả”.
* Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ cần tiếp tục: “Thực hiện chủ trương XĐGN thông qua các biện pháp cụ thể sát với tình hình địa phương sớm đạt được mục tiêu không còn hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo”.
* Đại hội X của Đảng chỉ ra “Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo. Trên quan điểm đó, Đại hội đưa ra định hướng tiếp tục chương trình XĐGN là “Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện XĐGN theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả tài trợ quốc tế; Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo vươn lên thoát nghèo, ngăn chặn tái nghèo.
* Đại hội XI của Đảng đưa ra mục tiêu là “Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân”.
* Những quan điểm định hướng trên của Đảng đã được cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản pháp luật về cơ chế chính sách, các chương trình dự án cho việc thực hiện công tác XĐGN. Sự hình thành và phát triển của hệ thống chính sách giảm nghèo của Việt Nam có thể chia làm các giai đoạn sau: giai đoạn 1998 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 và từ năm 2011 cho đến nay.
* Năm 1998 đánh dấu một bước tiến mới đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, đó là ban hành “Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 1998 – 2000” bao gồm cả công tác định canh, định cư và hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi, phù hợp để hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Đây có thể coi là chính sách trực tiếp đầu tiên liên quan đến giảm nghèo. Bên cạnh đó chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (QĐ 135/1998/QĐ – TTg) ra đời nhằm nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước; góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng
* Giai đoạn 2001 – 2005: Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 – 2005 bao gồm có các chính sách và nhóm dự án. Các chính sách gồm: chính sách hỗ trợ về y tế; Chính sách hỗ trợ về giáo dục; Chính sách an sinh xã hội và trợ cấp các đối tượng yếu thế; chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở; chính sách hỗ trợ công cụ và đất đai sản xuất cho người nghèo. Dự án thuộc Chương trình gồm: Dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh; Dự án Hướng dẫn cho người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; Dự án Xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc biệt (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang ven biển, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long); Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo; Dự án Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo; Dự án đào tạo , bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo; Dự án ổn định dân di cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo (bao gồm: ổn định dân di cư tự do, di dân xây dựng vùng kinh tế mới phân bố lại dân cư theo quy hoạch; các dự án của chương trình 773 cũ thuộc ngành nông nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1123/CP-NN ngày 6/12/2000 về việc chuyển dự án thuộc chương trình 773); Dự án định canh định cư ở các xã nghèo
* Ngoài “Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm” giai đoạn 2001 – 2006 còn có các dự án về việc làm gồm: Dự án Tổ chức cho vay vốn theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm thông qua Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm; Dự án Nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm; Dự án Điều tra, thống kê thị trường lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động; Dự án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết việc làm
* Giai đoạn 2006 – 2010 tiếp tục thực hiện các chính sách của giai đoạn 2001 – 2005 trong “Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm” có chỉnh sửa và bổ sung cho giai đoạn này. Chương trình 135 giai đoạn 2 tiếp tục được triển khai. Bên cạnh đó chính phủ triển khai Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo thuộc 20 tỉnh có số hộ nghèo trên 50% theo Nghị quyết 30a ngày 27/12/2008. Theo nghiên cứu của UNDP (UNDP, 2009), đến năm 2009, nước ta có 41 chính sách và dự án định hướng vào việc giảm nghèo, kể cả một số chính sách, dự án không tập trung vào giảm nghèo nhưng lại có tác động vào cuộc sống của người nghèo như Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình MTQG về Giáo dục và Đào tạo.
* Giai đoạn 2011 - 2015, Ngân sách Trung ương đã bố trên 32 nghìn tỷ đồng, huy động thêm nguồn lực từ xã hội khoảng hơn 10 nghìn tỷ đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Cùng với nguồn lực của Trung ương, các địa phương đã chủ động bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách giảm nghèo trên địa bàn, như: Chính sách tín dụng ưu đãi; mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hỗ trợ mệnh giá bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo; chính sách hỗ trợ trong giáo dục - đào tạo; chính sách hỗ trợ nhà ở; chính sách trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả.

1. **Thành tựu và hạn chế của chính sách xóa đói giảm nghèo:**

* Với những giải pháp đồng bộ về chính sách và ưu tiên nguồn lực, tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ 14,2% năm 2010 xuống còn 11,76% cuối năm 2011 (giảm 2,24%), 9,6% cuối năm 2012 (giảm 2,16%) và 7,8% cuối năm 2013 (giảm 1,8%). Đến cuối năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 1,8 - 2%/năm (từ 7,8% xuống còn 5,8 - 6%); dự kiến đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn dưới 5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.
* Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 50,97% cuối năm 2011 xuống còn 38,2% cuối năm 2013, ước còn khoảng 33,20% cuối năm 2014; bình quân giảm trên 5%/năm. Như vậy, trong những năm qua, bình quân tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước giảm 2%/năm, tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân trên 5%/năm, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra theo Nghị quyết số 80/NQ-CP về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 - 2020 và Quyết định số 1489/QĐ-TTg phê duyệt nội dung chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015.
* Bên cạnh những kết quả đạt được, công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, tỷ lệ tái nghèo hàng năm còn cao, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp, nhất là khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Mặc dù tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, nhưng nhiều nơi tỷ lệ nghèo vẫn còn trên 50%, cá biệt còn trên 60 - 70%. Số hộ nghèo là dân tộc thiểu số chiếm gần 50% tổng số hộ nghèo trong cả nước, thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6 mức thu nhập bình quân của cả nước…

**Câu 6: Hãy phân tích sự vận dụng của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam?**

Dàn ý:

* Khái niệm về dân tộc, tôn giáo
* Quan điểm, chính sách của Đảng ta về dân tộc, tôn giáo
* Phân tích sự vận dụng của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

Giải quyết vấn đề:

1. **Khái niệm về dân tộc, tôn giáo**
   1. ***Dân tộc***

\* Cộng đồng tộc người

Dân tộc là một cộng đồng tộc người có chung ngôn ngữ, lịch sử - nguồn gốc, đời sống văn hóa và ý thức tự giác tộc người.

\* Quốc gia dân tộc

Dân tộc là cộng đồng người cùng sinh sống trong một địa bàn lãnh thổ do nhu cầu tồn tại và phát triển có mối quan hệ với nhau. Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, hình thành nên các quốc gia, bao gồm địa bàn sinh sống của một hay nhiều cộng đồng tộc người.

***b.Tôn giáo***

**- Theo C.Mác và Ăngghen “**Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, là một sự tự ý thức, tự cảm giác của con người về thế giới xung quanh mình và về chính bản thân họ”.

- Hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng tôn thờ. Dẫn lại từ Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia HCM (2014), *Giáo trình TCLLCT-HC – Đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội. Tr 241.

1. **Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề Dân tộc và Tôn giáo**

**1) Quan điểm**

**a. Dân tộc**

* Vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược. Đó là vấn đề cơ bản, lâu dài, song cũng là vấn đề cấp bách.
* Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
* Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và củng cố an ninh quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắng tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc.
* Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo ; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái.
* Phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của trung ương và các địa phương trong cả nước.
* Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.
* Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu và hoạt động chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch, giữ gìn chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc, biên giới, hải đảo.
* Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ và trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành trong cả nước

**b.Tôn giáo**

*- Về nhận thức, đánh giá về tôn giáo:*

+ Xác định tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân;

+ Xác định tôn giáo là vấn đề tồn tại lâu dài, rất lâu dài;

+ Nhìn nhận và phát huy những mặt tích cực về đạo đức và văn hóa tôn giáo;

+ Đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân để xây dựng đất nước;

+ Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng về tôn giáo của nhân dân;

+ Đấu tranh chống những hành vi lợi dụng tôn giáo về văn hóa (văn hóa lạc hậu), về chính trị (chính trị phản động).

*- Về nội dung công tác tôn giáo:*

+ Công tác vận động quần chúng tín đồ các tôn giáo;

+ Công vận động tranh thủ chức sắc tôn giáo;

+ Công tác đấu trang chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch và các phần tử xấu;

+ Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo;

+ Công tác đối ngoại tôn giáo,...

+ Trong các nội dung công tác nói trên, công tác vận động quần chúng tín đồ được Đảng ta xác định là công tác quyết định trong công tác tôn giáo, công tác tranh thủ chức sác tôn giáo là công tác đặc biệt quan trọng,...

*- Về lực lượng làm công tác tôn giáo:*

+ Đảng ta khẳng định công tác tôn giáo của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tất nhiên mỗi một ngành, một cấp theo chức năng nhiệm vụ của mình để thực hiện thật tốt công tác đối với tôn giáo. Với đặc thù của tôn giáo, đặt trong yêu cầu hiện nay- nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước đối với xã hội, công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo cần được tăng cường, trở thành đầu mối trong quan hệ và ứng xử với tôn giáo.

*+* Quan điểm chủ trương của Đảng như nói trên chính là định hướng trong công tác đối với tôn giáo thời kỳ đổi mới. Từ đó đặt ra cho Nhà nước cụ thể hóa bằng chính sách và quy định pháp luật để đưa chủ trương của Đảng vào cuộc sống.

1. **Chính sách**
2. **Dân tộc**

* ***Lĩnh vực chính trị***
* Bảo đảm thực hiện đúng quyền bầu cử, ứng cử của công dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật….được tham gia vào các cơ quan chính quyền, đảm bảo tỷ lệ thích đáng người dân tộc trong các cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương. Đảm bảo khối đại đoàn kết dân tộc.
* Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm thực sự “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” những việc có quan hệ đến lợi ích thiết thân của nhân dân các dân tộc ở cơ sở. Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, không chỉ đảm bảo mà còn phải tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện các quyền đó; đề phòng và khắc phục các vi phạm quy chế dân chủ, sống xa dân, quan liêu, mệnh lệnh với dân.
* Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở, thu hút được nhiều người tham gia các tổ chức đoàn thể, đảm bảo hoạt động thiết thực, đáp ứng lợi ích thiết thân của thành viên, hội viên, đoàn viên; không để quần chúng bị lôi kéo theo đạo trái phép và các việc làm sai trái khác.
* Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chú trọng công tác phát triển đảng, bảo đảm thôn, bản nào cũng có đảng viên; xã nào cũng có chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các dân tộc.
* Làm tốt công tác cán bộ, đảm bảo dân tộc nào cũng có cán bộ là người của mình.
* ***Lĩnh vực kinh tế***
* Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, sớm khắc phục tình trạng kinh tế tự cấp, tự túc mang nặng tính tự nhiên kéo dài.
* Phát triển nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến nông, lâm sản.
* Làm tốt công tác định canh, định cư; phân bố lại dân cư hợp lý, xây dựng vùng kinh tế mới; xóa đói giảm nghèo, trước hết đối với các xã nghèo.
* ***Lĩnh vực văn hóa, xã hội***
* Xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục
* Tăng cường chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân các dân tộc
* Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.
* Chăm lo giải quyết một số vấn đề xã hội: phòng chống các tệ nạn xã hội…
* Ngăn chặn tình trạng truyền đạo trái phép.
* ***Lĩnh vực an ninh, quốc phòng***
* Thường xuyên tuyên truyền và lãnh đạo nhân dân nhận rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ra sức củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.
* Xây dựng địa phương vững mạnh, phối hợp chặt chẽ với bộ đội biên phòng và các đơn vị vũ trang sống trên địa bàn thực hiện sẵm sàng chiến đấu và chiến thằng trước bất kỳ tình huống nào xảy ra.

**b.Tôn giáo**

* Đối với sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ.
* Đối với hoạt động của chức sắc nhà tu hành
* Về việc công nhận tổ chức tôn giáo
* Về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc
* Về việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tổ chức tôn giáo.
* Về việc thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo của nhà tu hành, chức sắc
* Về hoạt động của hội đoàn, dòng tu, tu viện của tôn giáo
* Về vấn đề tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo
* Về hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của chức sắc, nhà tu hành và tổ chức tôn giáo
* Về quan hệ quốc tế của tôn giáo
* Về việc đình chỉ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo

1. **Phân tích sự vận dụng của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam**

***a) Sự vận dụng của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam***

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể XH về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong tình hình mới.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và NN cho mọi cán bộ, đảng viên và cho nhân dân.

Thực hiện tốt các chính sách phát triển KT – XH vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.

Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc; tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác ở vùng dân tộc, nhất là các địa bàn xung yếu về chính trị, an ninh, quốc phòng; coi trọng việc bồi dưỡng đào tạo thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự làm nguồn cán bộ bổ sung cho cơ sở; nghiên cứu sửa đổi bổ sung chính sách đãi ngộ cán bộ công tác ở các vùng dân tộc, vùng cao. Phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

Kiện toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ TW đến địa phương. Tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, nhất là đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân tộc.

Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc; quán triệt phương châm: chân thành, tích cực; thận trọng, kiên trì, tế nghị, vững chắc; sử dụng nhiều phương thức phù hợp via đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Đặc biệt quán triệt và thực hiện thật tốt phong cách công tác dân vận: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm via dân”.

***b) Sự vận dụng của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam***

Do nhận thức không đầy đủ, đã có một thời kỳ chúng ta mắc phải những sai lầm nghiêm trọng trong việc đấu tranh chống tôn giáo. Chúng ta đã quá nôn nóng, cực đoan trong ứng xử với các tôn giáo cũng như với các cơ sở thờ tự của tôn giáo. Nhiều nhà thờ, chùa chiền, miếu mạo đã bị đập phá, các sinh hoạt tôn giáo bị ngăn cấm, người có đạo bị kỳ thị. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không được đảm bảo. Chính sự nóng vội đó đã dẫn đến hậu quả xấu về mặt chính trị, tư tưởng, là cơ sở để các thế lực phản động lợi dụng chống phá cách mạng nước ta. ở điểm này, rõ ràng chúng ta đã không vận dụng tốt những quan điểm về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, trước hết cần phải nhận thức rõ một số vấn đề sau đây:

- Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta hiện nay, những điều kiện tồn tại của tôn giáo vẫn còn; vì vậy, sự tồn tại của nó vẫn là một tất yếu khách quan. Những điều kiện đó là: trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học - kỹ thuật còn thấp nên khả năng cải tạo thế giới chưa cao; trình độ nhận thức còn hạn chế nên chưa cho phép giải thích đầy đủ, khoa học những hiện tượng tự nhiên, xã hội; trình độ phát triển kinh tế còn thấp nên đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn; thời kỳ quá độ với những quan hệ sản xuất cũ và mới đan xen nhau nên chưa thể xoá bỏ những hiện tượng bóc lột, bất bình đẳng trong xã hội… Thêm vào đó, chiến tranh, đặc biệt là thiên tai, vẫn xảy ra khiến cho con người cảm thấy không yên tâm và vì vậy, một bộ phận người dân vẫn sẽ có nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo như một tất yếu. Vấn đề là ở chỗ, chúng ta cần có thái độ như thế nào đối với tôn giáo.

- Cần phải nhận thức rõ rằng, đối tượng đấu tranh trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo không phải là mọi tôn giáo và những sinh hoạt tôn giáo hay tất cả những tín đồ tôn giáo nói chung, mà chỉ là những bộ phận người lợi dụng tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan hoặc chống phá cách mạng, gây rối trật tự trị an, đi ngược lại với lợi ích của quốc gia dân tộc.

- Để khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo, không thể dùng mệnh lệnh hành chính hay tuyên truyền giáo dục đơn thuần mà phải chú trọng đến việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Xoá bỏ dần phương thức sản xuất tiểu nông lạc hậu, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, kết hợp với tuyên truyền, giáo dục, nâng cao trình độ nhận thức, trình độ văn hoá để người dân tự nhận thức được vai trò thực sự của tôn giáo trong đời sống hiện thực của họ và chính họ, chứ không phải ai khác, tự quyết định theo hay không theo một tôn giáo nào đó.

Những năm gần đây, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng VN, Đảng ta đã có những thay đổi quan trọng trong nhận thức về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo, đưa ra nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp.

Quan điểm của Đảng ta về giải quyết vấn đề tôn giáo được thể hiện trong nhiều văn kiện của các kỳ Đại hội và được cụ thể hoá bằng các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, như Nghị quyết số 24/NQ-TW (ngày 16/10/1990) của Bộ Chính trị Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới… Chỉ thị số 37 CT-TW (ngày 2/7/1998) của Bộ Chính trị Về công tác tôn giáo trong tình hình mới… Ngoài ra, còn có nhiều chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng về các mặt công tác đối với tôn giáo nói chung và từng tôn giáo nói riêng trong từng thời kỳ. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-TW (ngày 12/3/2003) về công tác tôn giáo. Những quan điểm của Đảng ta về công tác tôn giáo được cụ thể hoá trong Pháp lệnh về tín ngưỡng tôn giáo số 21/2004/PL-UBTVQH11 ra ngày 18/6/2004. Tất cả các chỉ thị, nghị quyết, pháp lệnh nêu trên đều thể hiện nhất quán một số quan điểm và chính sách sau đây:

- Một là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Thực hiện nhất quán quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động bình thường trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

- Hai là, thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Báo cáo chính trị của BCH Trung ương  khoá VI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta khẳng định “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các dân tộc. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành vi vi phạm tự do tín ngưỡng”. Quan điểm của Đảng nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Ba là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng. Công tác vận động quần chúng phải động viên được đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng, đảm bảo lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

- Bốn là, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, trong đó, đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo là lực lượng nòng cốt.

- Năm là, vấn đề theo đạo và truyền đạo. Mọi tín đồ có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của pháp luật.

Như vậy, quan điểm của Đảng ta về tôn giáo là rõ ràng, nhất quán, đảm bảo quyền tự do, dân chủ. Trong khi đó, hiện nay, có những cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước vẫn cho rằng ở VN người dân không có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Từ đó, chúng dùng nhiều thủ đoạn để kích động đồng bào có đạo gây rối, chống phá cách mạng, rơi vào âm mưu “diễn biến hoà bình” vô cùng thâm độc của chúng. Đó là những luận điệu sai lầm, xuyên tạc chính sách tôn giáo của Đảng, NN ta cũng như xuyên tạc tình hình tôn giáo và các hoạt động tôn giáo ở nước ta hiện nay mà chúng ta cần kiên quyết bác bỏ.